**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**ÔN TẬP BÀI 7**

**(Thời lượng: … tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

**-** Một số nội dung chính qua các VB truyện đã học.

- Chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.

- Đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.

- Yêu cầu khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

- Giá trị của yêu thương và hi vọng.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Tự chủ và tự học:

+ Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động. Ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính.

+ Nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+ Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

+ Biết trách nhiệm, vai trò của mình trong nhóm ứng với công việc cụ thể.

+ Chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; chia sẻ khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

+ Phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập.

+ Đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.

***\* Năng lực đặc thù***

**-** Trình bày được một số nội dung chính qua các VB truyện đã học.

- Xác định được biệt ngữ xã hội và chức năng, giá trị của biệt ngữ xã hội.

- Trình bày được những đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.

- Trình bày được yêu cầu khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

- Hiểu được giá trị của yêu thương và hi vọng.

***3. Về phẩm chất:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Nhân ái: Sống biết yêu thương với con người và vật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Thiết bị***

Máy tính, máy chiếu…

***2. Học liệu***

SGK, sách tham khảo…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (3’)**

**Mục tiêu**: Tạo tâm thế cho HS vào bài học.

**Nội dung**: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**Tổ chức thực hiện**:

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS nhắc lại những nội dung đã học ở chủ đề 7 (bài 7).

***B2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS nhớ lại, trình bày.

***B3: Báo cáo, thảo luận***

HS khác nhận xét, bổ sung.

***B4: Kết luận, nhận định (GV):***

GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới:

Em đã được học những kiến thức trọng tâm của chủ đề 7. Tiết học hôm nay, ta sẽ tiến hành ôn tập lại những nội dung này.

**2. HĐ 2: Ôn tập (37’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **ÔN TẬP** | |
| **Mục tiêu:** HS có thể:  - Củng cố, tổng hợp lại những kiến thức đã học.  - Khắc sâu chủ đề của bài học  **-** Trình bày được một số nội dung chính qua các VB truyện đã học.  - Xác định được biệt ngữ xã hội và chức năng, giá trị của biệt ngữ xã hội.  - Trình bày được những đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.  - Trình bày được yêu cầu khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.  **Nội dung:** GV cho HS làm việc cá nhân kết hợp làm việc nhóm để hoàn thành nội dung ôn tập. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi (3') đọc lại ba văn bản đã học và hoàn thành bảng sau (làm vào vở):   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Nhân vật chính** | **Chi tiết tiêu biểu (ví dụ)** | **Chủ đề** | | **Bồng chanh đỏ** |  |  |  | | **Bố của Xi-mông** |  |  |  | | **Cây sồi mùa đông** |  |  |  |   B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS đại diện nhóm trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Nhân vật chính** | **Chi tiết tiêu biểu (ví dụ)** | **Chủ đề** | | **Bồng chanh đỏ** | - Hiền và Hoài | - Hoài vuốt ve đôi cánh mượt mà của chú chim bồng chanh - Hiền thả con Bồng Chanh về tổ.  - Anh Hiền ngăn Hoài bắt lại chim bồng chanh lần hai.  - Hoài thầm trò chuyện cùng với chim bồng chanh sau khi biết chúng phải bỏ tổ mà đi | Tình yêu thương và sự tôn trọng quyền sống tự do đối với loài vật. | | **Bố của Xi-mông** | - Xi - mông | - Xi - mông có ý định ra bờ sông tự tử.  - Bác Phi - líp dắt Xi-mông về nhà.  - Xi - mông đòi bác Phi-líp làm bố mình.  - Bác Phi-líp nhận làm bố của Xi-mông.  - Bác Phi-líp cầu hôn mẹ Xi-mông. | Tình yêu thương, sự thấu hiểu, đồng cảm với những người thiệt thòi hoặc mắc sai lầm. | | **Cây sồi mùa đông** | Xa-vu-skin | - Hành động cố gắng vần một mảng tuyết để tìm con nhím sống dưới một cái hố, ân cần đắp cho nhím tấm chăn mộc mạc và trò chuyện với con nhím, khen ngợi nó rất dịu dàng: “Nó tự ủ ấm mới khéo chứ!”.  - Hành động bới tuyết, đưa cô giáo đi thăm hỏi thế giới bé nhỏ sống dưới gốc cây sồi mùa đông: con nhái, bọ dừa, thằn lằn, rệp cây.  - Lời dặn cô An-na Va-xi-li-ép-na khi gặp các con thú có sừng trên đường về: cô chỉ cần giơ gậy làm nó sợ thôi, không nên đánh nó, nó sẽ “giận và bỏ rừng đi biệt mất”. | Sự hiểu biết, trân trọng của giáo viên với học sinh; tình yêu thiên nhiên, sự kết nối giữa con người với thiên nhiên | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  Em thích nhất truyện nào trong ba truyện Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông, Câu sồi mùa đông? Vì sao?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cá nhân (2')  - HS làm việc nhóm (1') chia sẻ theo cặp.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS lần lượt trình bày cảm nhận.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 2**  HS đưa ra được truyện mà các em yêu thích trong ba VB đã học và đưa ra được ít nhất hai lí lẽ để giải thích ý kiến của mình. |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV cho HS thảo luận cặp đôi (3'):  - Tìm biệt ngữ cùa giới trẻ trong câu sau và giải thích ý nghĩa:  *Nếu bạn đang nhớ xứ sở Chùa Vàng mà chưa có cơ hội đi thì hãy thừ trải nghiệm không gian đậm chất Thái hót hòn họt này nha…*  - Biệt ngữ xã hội này được giới trẻ tạo ra dựa trên từ ngữ nào và theo phương thức nào?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cặp đôi.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS đại diện nhóm trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 3:** Biệt ngữ của giới trẻ được sử dụng trong ngữ liệu đã cho là “hót hòn họt”. Biệt ngữ này được giới trẻ tạo ra dựa trên từ “hót”, vốn là từ tiếng Anh “hot” - nóng, cũng là từ mà giới trẻ thường dùng. “Hót hòn họt” được tạo ra theo phương thức láy ba phổ biến trong tiếng Việt (ví dụ: *sát – sát sàn sạt, khít – khít khìn khịt,...*). |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  HS làm việc cá nhân:  - Tổ 01, 02: Nêu một số lưu ý về cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.  - Tổ 03, 04: Cần chú ý những điêu gì khi lắng nghe và tóm tắt nội dung trình bày của người khác.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cá nhân.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS lần lượt trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 4:**  HS nhắc lại được các đặc điểm về nội dung, hình thức, bố cục đã học ở kiểu bài. (SGK tr.37)  **Câu 5:** HS nhắc lại được các lưu ý đã học về kiểu bài. (SGK tr.43, 43)  - Xác định mục đích nghe, tìm hiểu về tác giả, tác phẩm và giấy bút  - Nghe và chép, lắng nghe thông tin và theo dõi và ghi tóm tắt  - Đọc lại và chỉnh sửa. |
|  |  |

**3. HĐ 3: Luyện tập (5’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **LUYỆN TẬP** | |
| **Mục tiêu:** HS có thể:  Hiểu được giá trị của yêu thương và hi vọng trong cuộc sống.  **Nội dung:** GV cho HS làm việc cá nhân suy nghĩ về giá trị của yêu thương và hi vọng trong cuộc sống.  Sản phẩm: Câu trả lời phù hợp của HS. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân (3') theo tổ:  - Vì sao chúng ta cần nuôi dưỡng tình yêu thương (tổ 01, 02)  - Vì sao chúng ta cần nuôi dưỡng niềm hi vọng trong cuộc sống. (tổ 03, 04)    B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm việc cá nhân.  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS lần lượt trình bày.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  B4: Kết luận, nhận định  **-** GV nhận xét, đánh giá. | **Câu 6: Gợi ý:**  \* Tình yêu thương:  - Thực sự thì tình yêu thương giúp con người trở nên hạnh phúc, và cũng có được sự vui vẻ.  - Tình thương như có thể giúp cho con người chúng ta xua đi mọi những u tối trong cuộc đời. Thay vào đó cũng chính là những tia sáng ấm áp của tình thương.  - Tình thương khiến cho người ta luôn hướng về nhau để chia sẻ, thông cảm, đùm bọc lẫn nhau.  - Sự chân thành trong yêu thương, quan tâm, sẻ chia với mọi người sẽ giúp cho tâm hồn con người trở nên phong phú, giàu có.  **-** Tình yêu thương làm cuộc sống của con người trở nên gần gũi, gắn bó hơn.  - Tình yêu thương sẽ làm con người vơi đi những nhọc nhằn, vất vả, khổ đau, tìm lại được niềm vui trong cuộc sống.  **\* Hy vọng:**  **- S**ự hi vọng là động lực thúc đẩy con người cố gắng nhiều hơn nữa.  - Hi vọng giúp con người sống đúng, sống chuẩn, chăm chỉ, kiên cường hơn. Khi biết hi vọng, tin tưởng, con người ta sẽ trở nên lạc quan hơn, cuộc sống sẽ vui vẻ hơn và tận hưởng được trọn vẹn vẻ đẹp cuộc sống mang lại.  - Người có sự hi vọng, cố gắng vươn lên sẽ được mọi người yêu quý, ngưỡng mộ và học tập theo, từ đó truyền được nguồn cảm hứng, những thông điệp tốt đẹp đến với mọi người, tạo ra một xã hội tốt đẹp hơn.  - Nếu không có hi vọng, chúng ta sẽ không có động lực để cố gắng vươn lên, vượt qua khó khăn.  - Biết hi vọng, con người sẽ lạc quan hơn, sống vui vẻ hơn, tận hưởng được trọn vẹn vẻ đẹp cuộc sống. |